

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DSST

Ngày: 16 – 5 – 2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Hoàng Long**

Ông **Trần Văn Mới**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á (DongA Bank)

Địa chỉ: Số 130, đường Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng H, Chức vụ: Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Cần Thơ – PGD Ô Môn.

Địa chỉ: Số 260/5, Quốc lộ 91, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Ngày 12/4/2019, bà Lê Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng số 00911306/0159883101T19066 để vay tiền của Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Cần Thơ – PGD Ô Môn, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 12/4/2019 đến ngày 11/4/2020);
- Lãi suất trong hạn: 9,6%/năm; Lãi suất quá hạn: 14,4%/năm;
- Mục đích vay: Bán cà phê.

- Biện pháp bảo đảm: Cho vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Ông Phan Thanh T là chồng của bà Lê Thị T đã ký bảo lãnh cho bà Lê Thị T trong Đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà T trả nợ nhưng bà T không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP Đông Á yêu cầu bà Lê Thị T và ông Phan Thanh T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 00911306/0159883101T19066 ngày 12/4/2019, tạm tính đến ngày 15/02/2022 là 13.451.651 đồng (trong đó nợ gốc là 8.369.514 đồng; lãi trong hạn là 520.820 đồng, lãi quá hạn là 4.561.317 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 16/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 00911306/0159223101T19066 ngày 12/4/2019.

Bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị T, ông Phan Thanh T có trách nhiệm trả cho DongA Bank số tiền tạm tính đến ngày 16/5/2022 là 12.673.819 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm mười chín đồng), trong đó nợ gốc là 7.369.514 đồng (Bảy triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm mười bốn đồng), lãi trong hạn là 520.820 đồng (Năm trăm hai mươi nghìn tám trăm hai mươi đồng), lãi quá hạn là 4.783.485 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng). Ngoài ra bà Lê Thị T, ông Phan Thanh T còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại 00911306/0159883101T19066 ngày 12/4/2019 cho DongA Bank kể từ ngày 17/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị T thanh toán số tiền vốn còn nợ và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 00911306/0159883101T19066 ngày 12/4/2019 nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 20/3/2019, bà Lê Thị T có ký văn bản đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử dụng vốn để vay DongA Bank số tiền 20.000.000 đồng, được Hội Liên hiệp Phụ nữ xã T và Ủy ban nhân dân xã T xác nhận.

Ngày 12/4/2019, bà Lê Thị Thắm có ký Hợp đồng tín dụng số: 00911306/0159883101T19066 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch Ô Môn với nội dung sau:

- Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 12/4/2019 đến ngày 11/4/2020);
- Lãi suất trong hạn: 9,6%/năm; Lãi suất quá hạn: 14,4%/năm;
- Mục đích vay: Bán cà phê.
- Biện pháp bảo đảm: Cho vay tín chấp không có tài sản bảo đảm;
- Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế. Kỳ hạn trả nợ vào ngày 28 hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 28/5/2019. Kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 11/4/2020. Số tiền trả nợ gốc mỗi kỳ: 1.830.000 đồng. Số tiền trả nợ gốc cuối kỳ: 1.784.667 đồng.

Vì vậy có căn cứ xác định bà Lê Thị T và DongA Bank xác lập quan hệ vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 344, Điều 345, Điều 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngày 20/3/2019 ông Phan Thanh T đã ký với tư cách người bảo lãnh trong giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử dụng vốn của bà Lê Thị T với nội dung: *“Tôi cam kết trong trường hợp bà Lê Thị T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho DongA Bank, tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi*

hết nợ vay tại DongA Bank.” Nội dung cam kết bảo lãnh của ông T là phù hợp với quy định tại các Điều 335, Điều 336 và Điều 342 Bộ luật dân sự.

Từ khi giao kết hợp đồng, bà Lê Thị T chỉ thanh toán được tổng số tiền 13.029.666 đồng (mười ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), bao gồm tiền vốn là 11.630.486 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng) và tiền lãi là 1.399.180 đồng (một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn một trăm tám mươi đồng).

Như vậy, theo quy định tại Điều 280, Điều 282 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 00911306/0159883101T19066 ngày 12/4/2019.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà Lê Thị T, ông Phan Thanh T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á số tiền vốn gốc còn nợ và tiền lãi tính đến ngày 16/5/2022 theo Hợp đồng tín dụng số: 00911306/0159883101T19066 ngày 12/4/2019 là 12.673.819 đồng (*Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm mười chín đồng*), trong đó nợ gốc là 7.369.514 đồng (*Bảy triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm mười bốn đồng*), lãi trong hạn là 520.820 đồng (*Năm trăm hai mươi nghìn tám trăm hai mươi đồng*), lãi quá hạn là 4.783.485 đồng (*Bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng*).

Bà Lê Thị T, ông Phan Thanh T còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 00911306/0159883101T19066 ngày 12/4/2019 kể từ ngày 17/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019;

Điều 335; Điều 336; Điều 342; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á đối với bà Lê Thị T.

2. Buộc bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á số tiền tính đến ngày 16/5/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 00911306/0159883101T19066 ngày 12/4/2019 là: 12.673.819 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm mười chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc là 7.369.514 đồng (*Bảy triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm mười bốn đồng*);

+ Lãi trong hạn là 520.820 đồng (*Năm trăm hai mươi nghìn tám trăm hai mươi đồng*);

+ Lãi quá hạn là 4.783.485 đồng (*Bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng*).

Bà Lê Thị T và ông Phan Thanh T còn phải trả cho DongA Bank tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 00911306/0159883101T19066 ngày 12/4/2019 kể từ ngày 17/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 633.700 đồng (*Sáu trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đông Á được nhận lại 336.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005318 ngày 07/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS.ND. H. Thới Lai.
- THA.H. Thới Lai;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí